

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1125/QĐ-ĐHTB-ĐTĐH, ngày 06 tháng 11 năm 2018 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Tài chính - Ngân hàng

**Mã ngành:** 7340201

**Loại hình đào tạo:** Chính quy

**Số tín chỉ:** 135

### 1. Mục tiêu

- Mục tiêu chung: Đào tạo ra các cử nhân trình độ Đại học Tài chính – Ngân hàng có kỹ năng nghề nghiệp thành thạo, vận dụng và phát triển tốt các kỹ năng mềm, kỹ năng tự học phát triển bản thân, có phẩm chất đạo đức tốt để có thể hành nghề trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng tại các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh, cơ quan hành chính nhà nước.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Phẩm chất đạo đức: Chương trình đào tạo sẽ đào tạo ra các cử nhân có phẩm chất, tư tưởng chính trị tốt, có nhận thức cao về đạo đức nghề nghiệp.

+ Kiến thức: Các cử nhân tài chính ngân hàng sẽ được trang bị đầy đủ các khối kiến thức về đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Đối với khối kiến thức đại cương nhằm mục tiêu nâng cao trình độ về chính trị, tư tưởng, đồng thời tạo nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Đối với khối kiến thức cơ sở ngành nhằm mục tiêu trang bị những kiến thức kinh tế cơ bản giúp người học có kiến thức mở rộng để nghiên cứu về kinh tế và vận dụng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đồng thời là cơ sở cho việc nghiên cứu tiếp thu khối kiến thức chuyên ngành. Đối với khối kiến thức chuyên ngành, chương trình nhằm mục tiêu cung cấp cho người học khối kiến thức chuyên ngành về mặt lý thuyết, thực tế, thực hành chuyên môn và kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến ngân hàng và tài chính trong các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp, các cơ quan Nhà nước.

+ Kỹ năng: Chương trình nhằm đào tạo ra những cử nhân Tài chính – ngân hàng có những kỹ năng chuyên môn, kỹ năng sử dụng các công cụ hỗ trợ, kỹ năng tương tác và kỹ năng tự nghiên cứu phát triển năng lực bản thân

+ Thái độ: Sinh viên có thái độ tích cực, yêu thích lĩnh vực tài chính và ngân hàng.

+ Trình độ ngoại ngữ, tin học: có trình độ tiếng anh đạt trình độ tương đương chuẩn B1; có khả năng sử dụng thành thạo tin học văn phòng phục vụ cho công việc chuyên môn.

### 2. Chuẩn đầu ra

#### 2.1. Kiến thức

Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

#### 2.2. Kỹ năng

+ Kỹ năng vận dụng chuyên môn ứng dụng vào thực tiễn

Sinh viên phải vận dụng chuyên môn xử lý tốt các nghiệp vụ, có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp trong các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp, cơ quan hành chính Nhà nước có các hoạt động liên quan đến tài chính, có khả năng lập kế hoạch, chiến lược và tổ chức triển khai hiệu quả các nghiệp vụ liên quan đến ngân hàng và tài chính; Rèn luyện kỹ năng phân tích và dự báo các vấn đề liên quan đến Ngân hàng – Tài chính, rèn luyện kỹ năng ra quyết định trên thị trường tài chính, hoạt động tín dụng và quyết định tài chính trong tổ chức; Có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết

các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền; thông qua thực tập nghề nghiệp.

+ Kỹ năng bổ trợ chuyên môn: Sinh viên có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ để đọc, dịch, hiểu các báo cáo trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, có thể giao tiếp cơ bản bằng tiếng anh, xử lý các tình huống chuyên môn cơ bản bằng tiếng anh. Có khả năng làm chủ các phần mềm hỗ trợ trong lĩnh vực tài chính, sử dụng thành thạo các công cụ tin văn phòng, sử dụng được các công cụ thống kê, phân tích, mô tả cơ bản phục vụ cho công việc liên quan đến tài chính – ngân hàng.

+ Kỹ tương tác: Sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng giao tiếp tốt bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, có khả năng thuyết trình trước tập thể, có khả năng duy trì và tạo lập các mối quan hệ, quản lý được thời gian, biết phân biện và tổ chức công việc, biết khởi nghiệp một hoạt động kinh doanh.

+ Kỹ năng tự nâng cao năng lực cá nhân: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tìm tòi học hỏi, phát triển kiến thức mới để đáp ứng nhu cầu công việc và tiếp tục học ở cấp độ cao hơn.

### **2.3. Phẩm chất đạo đức**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành tài chính ngân hàng phải có phẩm chất, tư tưởng chính trị tốt, có nhận thức cao về đạo đức nghề nghiệp.

### **2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô vừa và nhỏ.

### **2.5. Vị trí việc làm**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chuyên ngành tài chính ngân hàng có thể làm việc tại các cơ quan sau:

+ Các tổ chức tín dụng: chuyên viên các phòng chức năng liên quan đến tín dụng tại các ngân hàng thương mại, ngân hàng Nhà nước, quỹ tín dụng, HTX tín dụng, các nhóm tín dụng.

+ Các tổ chức kinh doanh trên thị trường tài chính: là chuyên viên tại các quỹ đầu tư, Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, trung tâm lưu ký chứng khoán.

+ Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh: nhân viên phòng chức năng liên quan đến tài chính, kế toán tại các doanh nghiệp,

+ Các cơ quan hành chính nhà nước: Các sở ban ngành đặc thù như: Sở tài chính, sở kế hoạch và đầu tư, , bảo hiểm và các sở ban ngành khác có các vị trí liên quan đến tài chính kế hoạch

+ Giảng viên các trường đại học, cao đẳng

+ Tự lập ra công ty tư vấn tài chính, tự đầu tư trên thị trường tài chính.

### **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 135 tín chỉ.**

Kiến thức giáo dục đại cương:	27 tín chỉ
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	108 tín chỉ
Trong đó:	
Kiến thức cơ sở ngành:	35 tín chỉ
Kiến thức ngành:	63 tín chỉ
Thực tập chuyên môn cuối khoá:	10 tín chỉ

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

- Quy trình đào tạo; Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định tại điều 27 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo được sửa đổi theo Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT ngày 27/12/2012.

6. Cách thức đánh giá: Thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại tiết tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lên lớp		TS tiết (x hệ số)	Tự học	
				LT	TH			
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>27</b>					
1	LNL0038	Triết học Mác - Lênin	3	42	3	48		
2	LNL0039	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	28	2	32		
3	LNL0040	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	28	2	32		
4	LTD0044	Lịch sử ĐCSVN	2	28	2	32		
5	LTU0001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	28	2	32		
6	LPL0001	Pháp luật đại cương	2	28	2	32	60	
7	NTA0001	Tiếng Anh 1	5	70	5	80	150	
8	NTA0002	Tiếng Anh 2	5	70	5	80	150	NTA0001
9	TTH0002	Tin học cơ sở	3	30	15	60	90	
10	GDQ0001	Giáo dục quốc phòng						
11	GDT0001	Giáo dục thể chất 1						
12	GDT0002	Giáo dục thể chất 2						
13	<b>Tự chọn 1</b>		<b>2</b>					
	SVN0001	Văn hóa Tây Bắc	2	27	3	33	60	
	VNN0002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	27	3	33	60	
	VTV0008	Tiếng việt thực hành	2	20	10	40	60	
	LTD0029	Xã hội học nông thôn	2	28	2	32	90	
	TTH0003	Tin học nâng cao	2	20	10	40	60	TTH0002
	TDH0015	Đại số tuyến tính	2	30		30	60	
	TGT0003	Giải tích	2	30		30	60	TDH0015
TGT0030	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	30		30	60	TGT0003	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>98</b>					
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>35</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>29</b>					
14	KIT0038	Kinh tế vi mô	3	40	5	50	90	
15	KIT0039	Kinh tế vĩ mô	3	41	4	49	90	KIT0038
16	KQT0034	Marketing căn bản	3	30	15	60	90	
17	KIT0041	Luật kinh tế	3	34	11	56	90	
18	KQT0033	Quản trị văn phòng	4	45	15	75	120	
19	KIT0011	Lý thuyết tài chính tiền tệ	4	52	8	68	120	KIT0038, KIT0039
20	KIT0042	Kinh tế lượng	3	42	3	48	90	
21	KTT0034	Nguyên lý kế toán	3	45		45	90	
22	TMT0050	Tin học ứng dụng	3	45		45	90	TTH0003
		<b>Tự chọn 2,3,4 (chọn 3 trong số các học phần sau)</b>	<b>6</b>					

23 24 25	NTA0003	Tiếng Anh 3	5	75		75	150	NTA0002
	KIT0036	Lịch sử kinh tế quốc dân	2	22	8	38	60	LNL0001, KIT0039
	KIT0037	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	25	5	35	60	
	KIT0024	Kinh tế phát triển	2	21	9	39	60	
	KIT0025	Kinh tế quốc tế	2	25	5	35	60	
	KIT0026	Dân số và phát triển	2	30		30	60	
	KIT0027	Kinh tế và quản lý môi trường	2	30		30	60	KIT0038
	KIT0028	Lập và quản lý dự án đầu tư	2	25	5	35	60	KIT0038, KIT0039
NNT0047	Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh	4	60		0	120	NTA0001, NTA0002	
<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>63</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>57</b>					
26	KTN0001	Phân tích báo cáo tài chính	2	30		30	60	KIT0038, KIT0039, KIT0011
27	KTN0002	Tài chính doanh nghiệp 1	3	45		45	90	
28	KTN0003	Tài chính doanh nghiệp 2	3	45		45	90	
29	KTN0004	Tài chính quốc tế	3	45		45	90	KIT0038, KIT0039, KIT0011
30	KTN0005	Tài chính công	3	38	7	52	90	KIT0038, KIT0039, KIT0011
31	KTN0006	Ngân hàng thương mại 1	3	39	6	51	90	KIT0011
32	KTN0007	Ngân hàng thương mại 2	2	27	3	33	60	KIT0011, KTN0006
33	KTN0008	Thị trường chứng khoán	3	40	5	50	90	
34	KTN0009	Kinh tế bảo hiểm	3	39	6	51	90	
35	KTN0010	Ngân hàng trung ương	3	40	5	50	90	KIT0038, KIT0039, KIT0011
36	KTN0011	Thẩm định tài chính dự án	3	45		45	90	KIT0038, KIT0039, KIT0011
37	KIT0018	Thuế	3	45		45	90	KIT0038, KIT0039, KIT0011
38	KTN0012	Thanh toán quốc tế	3	35	10	55	90	
39	KTN0013	Định giá tài sản	2	30		30	60	KIT0011
40	<b>KQT0050</b>	<b>Giao tiếp và đàm phán trong KD</b>	<b>2</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>40</b>	<b>60</b>	
41	KTN0015	Luật Ngân hàng	2	25	5	35	60	
42	KTN0016	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	39	6	51	90	KTN0008
43	KTN0017	Thị trường tài chính và các	2	25	5	35	60	

		định chế tài chính						
44	KTN0018	Thực tập 1	3			135		KTN0008
45	KTN0019	Thực tập 2	3			135		KIT0011, KTN0006
46	KTN0020	Thực tập 3	3			135		KTN0002, KTN0003
		<b>Tự chọn 5,6,7 (chọn 3 trong số các học phần sau)</b>	<b>6</b>					
47	KIT0032	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	30		30	60	
48	KTN0022	Ngân hàng phát triển	2	30		30	60	
49	KTN0023	Marketing ngân hàng	2	25	5	35	60	
50	KTN0024	Tín dụng ngân hàng	2	22	8	38	60	
51	KTN0030	Kế toán ngân hàng	2	30		30	60	
52	KTN0025	Thị trường phái sinh	2	25	5	35	60	
53	KTN0026	Logistics quốc tế	2	30		30	60	KIT0038, KIT0039, KTN0004
54	KTN0027	Kinh doanh ngoại hối	2	30		30	60	
55	KTN0028	Mua bán và sát nhập doanh nghiệp	2	30		30	60	KQT0034, KTN0002, KTN0003
<b>3. Thực tập chuyên môn cuối khóa</b>			<b>10</b>					
56	KTN0029	Thực tập chuyên môn cuối khoá	10			450		

## 8. Dự kiến kế hoạch đào tạo

### 8.1. Dự kiến đào tạo 4 năm

Học kỳ	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Triết học Mác – Lênin	3	45
	Tiếng Anh 1	5	75
	Pháp luật đại cương	2	30
	Kinh tế vi mô	3	45
	Tin học cơ sở	3	45
	Giáo dục quốc phòng		
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>16</b>	
<b>II</b>	Kinh tế chính trị mác - Lênin	2	30
	Tiếng Anh 2	5	75
	Tự chọn 1	2	30
	Quản trị văn phòng	4	60
	Nguyên lý kế toán	3	45
	Kinh tế vĩ mô	3	45
	Giáo dục thể chất 1		
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>19</b>	
<b>III</b>	CNXH khoa học	2	30
	Lý thuyết tài chính tiền tệ	4	60
	Kinh tế lượng	3	45
	Marketing căn bản	3	45
	Tự chọn 2	2	30

	Tự chọn 3	2	30
	Tự chọn 4	2	30
	Giáo dục thể chất 2		
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>18</b>	
<b>IV</b>	Tài chính doanh nghiệp 1	3	45
	Lịch sử ĐCSVN	2	30
	Ngân hàng thương mại 1	3	45
	Thuế	3	45
	Thị trường chứng khoán	3	45
	Luật kinh tế	3	45
	Thực tập 1	3	45
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>20</b>	
<b>V</b>	Ngân hàng thương mại 2	2	30
	Tư tưởng HCM	2	30
	Tài chính công	3	45
	Thanh toán quốc tế	3	45
	Tài chính doanh nghiệp 2	3	45
	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	45
	Thực tập 2	3	45
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>19</b>	
<b>VI</b>	Luật ngân hàng	2	30
	Phân tích báo cáo tài chính	2	30
	Tin học ứng dụng	3	45
	Ngân hàng trung ương	3	45
	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2	30
	Tự chọn 5	2	30
	Thực tập 3	3	45
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>17</b>	
<b>VII</b>	Thẩm định tài chính dự án	3	45
	Tài chính quốc tế	3	45
	Định giá tài sản	2	30
	Giao tiếp và đàm phán trong KD	2	30
	Kinh tế bảo hiểm	3	45
	Tự chọn 6	2	30
	Tự chọn 7	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>17</b>	
<b>VIII</b>	Thực tập chuyên môn cuối khóa	10	150
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>10</b>	

### 8.2. Dự kiến đào tạo 3 năm

Học kỳ	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Triết học Mác - Lênin	3	45
	Tiếng Anh 1	5	75
	Pháp luật đại cương	2	30
	Kinh tế vi mô	3	45
	Tin học cơ sở	3	45
	Tự chọn 1	2	30
	Tự chọn 2	2	30

	Tự chọn 3	2	30
	Giáo dục quốc phòng		
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>22</b>	
<b>II</b>	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30
	Tiếng Anh 2	5	75
	Kinh tế lượng	3	30
	Quản trị văn phòng	4	60
	Nguyên lý kế toán	3	45
	Kinh tế vĩ mô	3	45
	Marketing căn bản	3	60
	Luật ngân hàng	2	30
	Giáo dục thể chất 1		
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>25</b>	
<b>III</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30
	Lý thuyết tài chính tiền tệ	4	60
	Tài chính công	3	45
	Thanh toán quốc tế	3	45
	Bảo hiểm	3	45
	Kỹ năng giao dịch trong kinh doanh ngân hàng	2	30
	Phân tích báo cáo tài chính	2	30
	Tự chọn 4	2	45
	Thực tập 1	3	45
	Giáo dục thể chất 2		
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>24</b>	
<b>IV</b>	Tài chính doanh nghiệp 1	3	45
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30
	Ngân hàng thương mại 1	3	45
	Thuế	3	45
	Thị trường chứng khoán	3	45
	Luật kinh tế	3	45
	Tài chính quốc tế	3	45
	Tự chọn 5	2	30
	Tự chọn 6	2	30
	Thực tập 2	3	45
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>27</b>	
<b>V</b>	Ngân hàng thương mại 2	2	30
	Tư tưởng HCM	2	30
	Tin ứng dụng	3	45
	Định giá doanh nghiệp	2	45
	Tài chính doanh nghiệp 2	3	45
	Phân tích đầu tư chứng khoán	3	45
	Thẩm định tài chính dự án	3	45
	Ngân hàng trung ương	3	30
	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2	30
	Tự chọn 7	2	45
	Thực tập 3	3	45
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>28</b>	
<b>VI</b>	Thực tập chuyên môn cuối khóa	10	150

## **9. Hướng dẫn thực hiện**

Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú ý đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên

### **9.1. Về việc xây dựng đề cương chi tiết học phần**

Chương trình đã phân bố cụ thể về thời lượng lý thuyết và thực hành/thảo luận cho các học phần theo đúng quy định. Căn cứ vào thực tiễn dạy học và chương trình phổ thông mới, các Bộ môn xây dựng nội dung chi tiết học phần cần chú ý đến những kiến thức, kỹ năng phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo. Các Bộ môn chú ý tính kế thừa và thống nhất của các học phần trong và ngoài bộ môn.

### **9.2. Về phương pháp giảng dạy**

Phương pháp đào tạo nói chung và phương pháp dạy học nói riêng sẽ hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập với ý thức tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo, gắn liền với thực tiễn, cụ thể:

- Sử dụng các hình thức thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm kinh doanh thực tế, bài tập nghiên cứu, hoạt động nhóm trong học tập.

- Thông qua dạy học các học phần, chú ý đến việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm...

- Các học phần phải có sự lồng ghép ít nhất 1 buổi trao đổi kinh nghiệm thực tế về một vấn đề thuộc học phần giữa doanh nhân và sinh viên.

### **9.3. Về đánh giá kết quả học tập**

Quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo - Trường Đại học Tây Bắc

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**TS. Đinh Thanh Tâm**